TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2022/HC-PT
Ngày: 01/7/2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông A34 Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:. Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên toà.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 587/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5530/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hà Văn A (tên gọi khác Hà Xuân A), sinh năm 1952, địa chỉ: Thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình – Ông Tô Xuân A1 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân A2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang A3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình – Ông Bùi Quang A3 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Hà Minh A4, sinh năm 1948; địa chỉ: Số nhà 41, tổ 53, ngõ 74 phường BX, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; (có mặt).

- Bà Hà Thị A5, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt).

- Bà Hà Thị A6, sinh năm 1964; địa chỉ: số nhà 53/115 phố LTK, phường KB, thành phố TB, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

- Ông Hà Văn A7, sinh năm 1968; địa chỉ: số 12, ngách 8 ngõ 12 đường ML, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Bà Ngô Thị A8, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Chị Hà Thị A9, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 614, HH1B, khu đô thị LĐ, phường HV, quận HM, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Chị Hà Thị A10, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà 106, ngõ 35, CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

- Chị Hà Thị A11, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phòng 1706, tòa B, chung cư 283 KT, quận TX, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà A8, chị Oanh, chị Hải: Ông Hà Văn A (tên gọi khác: Hà Xuân A), sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Hà Văn A trình bày:

Theo Quyết định số 1195 QĐ/UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình (sau đây viết tắt là Quyết định 1195) về việc trưng dụng ruộng đất dành cho xây dựng cơ bản, ông được UBND tỉnh giao 150m^2 đất hai lúa để làm nhà

ở, vị trí đất thuộc trích thửa 19 thôn CH, xã ĐQ, huyện ĐH. Trong Quyết định 1195 có giao cho UBND huyện ĐH, UBND xã ĐQ thực hiện quyết định. Sau khi có Quyết định 1195, ông đã ra UBND xã ĐQ đề nghị giao đất theo quyết định đó nhưng ông Bùi Quang A12 - Chủ tịch UBND xã thông tin rằng đất của ông nằm trong quy hoạch mới của xã, ông phải đợi UBND huyện về cùng xã tìm quỹ đất phù hợp thì sẽ cấp cho ông ra vị trí khác. Sau đó, ông thường xuyên đề nghị UBND xã giao đất cho ông theo Quyết định 1195 nhưng UBND xã vẫn không thực hiện, ông đã có nhiều đơn đề nghị UBND huyện ĐH, UBND tỉnh Thái Bình nhưng đến nay vẫn chưa được giao đất theo Quyết định 1195. Hiện ông và gia đình đang sinh sống trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 544,9m^2 thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH là thửa đất của bố mẹ ông (cụ Hà Văn A13 và cụ Nguyễn Thị A14) để lại. Nguồn gốc thửa đất này là đất của bố mẹ ông được UBND xã chuyển đổi từ năm 1987 (do UBND xã lấy đất của bố mẹ ông để mở rộng trụ sở UBND xã). Sau khi được đổi đất, bố mẹ ông cùng vợ con ông chuyển ra khu đất mới. Một thời gian sau (ông không nhớ cụ thể), bố mẹ ông có chuyển vào sống tại nhà đất của anh trai ông là Hà Minh A4 tại thửa đất số 238 tờ bản đồ số 04 thôn HP, xã ĐQ để trông coi nhà hộ do vợ chồng ông A4 chuyển lên ở tại thị xã TB. Vợ chồng ông A vẫn ở trên đất của bố mẹ ông cho đến nay, có nộp thuế sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông không kê khai, còn việc UBND xã ghi tên chủ sử dụng đất như thế nào ông không rõ. Năm 2013, theo thông báo của xã làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) với thửa đất trên, 5 anh chị em ông gồm có ông A4, bà A6, bà A5, ông A7 và ông là những người thừa kế di sản của bố mẹ ông cùng có đơn đề nghị thống nhất giao cho ông đứng tên làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, sau này phân giải thế nào anh em ông giải quyết nội bộ với nhau.

- Về thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04, thôn HP, xã ĐQ là do ông Hà Minh A4 mua của gia đình ông Vũ Đức A15 từ năm 1977 khi gia đình ông A15 đi xây dựng kinh tế mới. Hiện ông A15 đã mất nhưng vợ ông A15 đã xác nhận việc bán đất cho ông A4. Năm 2013, ông A4 đã nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ với thửa đất trên nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 (sau đây viết tắt là Quyết định 6351) của UBND huyện ĐH lại cho rằng thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 là đất của bố mẹ ông để củng cố thêm cho việc đất của ông đã được giao theo Quyết định 1195 là không đúng, xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của ông và ông Hà Văn A4.

- Từ năm 1988 đến nay, ông vẫn chưa được giao đất theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình, ông đã có rất nhiều đơn thư gửi đến nhiều

cấp, đề nghị giao đất cho ông. Ngày 20/3/2018, UBND xã ĐQ có Công văn số 10/CV-UBND trả lời ông, nội dung: *"Hộ gia đình ông Hà Văn A đã được UBND xã ĐQ giao đất ở theo Quyết định 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988, diện tích 150m^2 (thửa đất hiện nay mà hộ ông A đang sử dụng)"*. Không đồng ý với Công văn trên, ông đã khiếu nại và đến ngày 11/9/2018, UBND xã ĐQ đã ra Văn bản số 16/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông vì hết thời hiệu. Ngày 19/9/2018, UBND xã ĐQ tiếp tục có Văn bản số 34/UBND về việc giữ nguyên văn bản số 16/TB-UBND ngày 11/9/2018; Ông khiếu nại tiếp đến Chủ tịch UBND huyện ĐH. Ngày 28/10/2019, Chủ tịch UBND huyện ĐH ra Quyết định 6351/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, trong đó kết luận ông đã được giao đất theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố:

- Hành vi của UBND xã ĐQ về việc không thực hiện giao đất cho ông theo Quyết định 1195 ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình là trái pháp luật. Yêu cầu UBND xã ĐQ giao đất cho ông theo Quyết định 1195.

- Yêu cầu hủy Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu hủy Quyết định 6351 ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Văn A (Hà Xuân A) (lần 2).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông có: Quyết định 1195 do ông đang lưu giữ; Đơn đề nghị của anh chị em ruột của ông xác định đất ông đang sử dụng là của bố mẹ ông; Xác nhận của một số người sinh sống cùng thời với bố mẹ ông và một số người là cán bộ Đảng ủy, UBND xã ĐQ biết và hiểu rõ về nguồn gốc thửa đất ông đang sử dụng, đã tự nguyện xác nhận nguồn gốc thửa đất đó là của bố mẹ ông.

2. Quan điểm của người bị kiện

2.1. Người đại diện theo pháp luật của UBND xã ĐQ, huyện ĐH tỉnh Thái Bình là ông Bùi Quang A3 trình bày:

Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình về việc cho phép ông Hà Xuân A được sử dụng diện tích 150m^2; loại đất hai lúa để làm nhà; vị trí giao đất thuộc trích thửa 19, thôn CH, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Theo sổ ghi nghị quyết Đảng ủy xã (hiện lưu tại UBND xã ĐQ) thể hiện nội dung ghi ở trang trước buổi họp ngày 06/7/1988: "*Ban thường vụ Đảng ủy xã ĐQ có đề xuất nội dung công A19 cấp xét đất, Chi bộ ba không đồng ý Quyết định cấp đất của UBND tỉnh cho đồng chí Diệu tại cơ sở chi bộ ba và đề nghị trả lại*

quyết định cho huyện. Thống nhất dừng lại chỗ đất của anh Diệu tìm chỗ khác". Như vậy, sau khi có Quyết định 1195, UBND xã đã tiến hành giao đất cho ông A, nhưng do Chi bộ 3 và nhân dân thôn CH không nhất trí nên UBND xã không giao đất đúng vị trí cho ông A theo Quyết định 1195. Tuy nhiên, UBND xã đã tìm vị trí đất khác và đã giao cho ông A tại vị trí đất hiện nay ông A đang sử dụng - thửa số 36 tờ bản đồ số 4 thôn HP, xã ĐQ. Người trực tiếp giao đất cho ông A là ông Phạm Văn A16 - cán bộ ruộng đất xã và ông Vũ Văn A17 - cán bộ tài chính xã. Hiện nay ông A16 và ông A17 còn sống, đã xác nhận sự việc này. Tuy nhiên, sau khi giao đất cho ông A, UBND xã đã không thu lại Quyết định 1195 của ông A; biên bản giao đất cho ông A hiện nay UBND xã không quản lý được. Thời điểm đó, cùng được UBND tỉnh cấp đất như ông A còn có bà Hoàng Thị A18, vị trí giao theo quyết định cũng ở thôn CH, xã ĐQ, nhưng cũng vì cơ sở thôn không đồng ý nên xã cũng phải giao đất cho bà A18 ở vị trí đất khác. Khi giao đất cho bà A18 cũng không thu lại quyết định giao đất của UBND tỉnh, hiện nay bà vẫn quản lý quyết định đó. Bà A18 đã xác nhận sự việc trên. Tháng 10/1988, khi UBND xã tiến hành giao đất cho ông Vũ Văn A19 tại thôn HP, xã ĐQ, trong biên bản giao đất cho ông A19 có ghi: Phía đông giáp đất ông A. Như vậy ông A đã được giao đất trước khi xã giao đất cho ông A19 và đất đó là giao cho ông A chứ không phải giao cho cụ A13. Tài liệu địa chính mà địa phương quản lý, không có tài liệu nào thể hiện thửa đất số 36 tờ bản đồ số 4 hiện nay - ghi tên cụ Hà Văn A13.

Theo tài liệu đo đạc địa chính năm 2006 do UBND xã ĐQ đang quản lý, thì hiện trạng thửa đất của hộ ông Hà Văn A, bà Ngô Thị A8 đăng ký sử dụng thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ 04, diện tích 544,9 m^2 (ONT: 150m^2 và LNK: 394,9m^2); tại thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Ông Hà Văn A là chủ sử dụng đất đã ký xác nhận vào biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất, lập ngày 05/5/2006. Quá trình sử dụng đất thì hộ ông A bà A8 thực hiện việc nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với 150m^2 đất ONT.

Đối với xác nhận của một số người đã xác nhận vào đơn của ông A, sau này đa số đều trình bày lại về việc xác nhận cho ông A là không chính xác, do không đọc đơn.

- *Về nguồn gốc thửa đất số 238, tờ bản đồ 04:* Trước năm 1977 do hộ ông Vũ Đức A15 sử dụng, năm 1977 gia đình ông A15 đi kinh tế mới tại Điện Biên thì UBND xã đổi đất cho cụ Hà Văn A13, cụ Vũ Thị A14 vào đất ông A15 để lấy đất cụ A13 mở rộng trụ sở. Cụ A13, cụ Nhâm và con gái là bà Hà Thị A5 đã sử dụng ổn định, liên tục trên thửa đất từ trước khi thực hiện đo đạc bản đồ theo Chỉ thị 299/TTg đến nay, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Khi đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg thì cụ Hà Văn A13 và cụ Vũ Thị A14 đang sử dụng thửa đất số 316,

tờ bản đồ M1/299, diện tích 349m^2, loại đất T thuộc thôn HP xã ĐQ (sổ mục kê bản đồ 299 UBND xã không lưu giữ được). Năm 2006 UBND xã ĐQ đo đạc địa chính, lúc này cụ A13 đã chết, nên thửa đất đăng ký sử dụng mang tên cụ Vũ Thị A14 (vợ cụ A13) và được thể hiện trên bản đồ là thửa đất số 238, tờ bản đồ 04, diện tích 355,1 m^2, loại đất ở nông thôn. Khi còn sống thì cụ A13 cụ A14 nộp thuế sử dụng đất, khi các cụ mất thì con gái là bà Hà Thị A5 nộp thuế sử dụng đất.

- Quan điểm giải quyết: Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu về quản lý đất đai hiện còn lưu tại UBND xã ĐQ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Hà Văn A và các cơ sở pháp lý liên quan, UBND xã xác định đã giao đất cho ông A theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình vào năm 1988; Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ là đúng pháp luật. Việc ông Hà Văn A khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của ông A.

- Chủ tịch UBND xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình nhất trí quan điểm của UBND xã ĐQ đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

2.2. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện ĐH trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu về quản lý đất đai hiện còn lưu tại UBND xã ĐQ và nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Hà Văn A thì: Khi thực hiện Quyết định 1195 ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình, ông Hà Văn A đã được UBND xã ĐQ giao đất ở, tuy nhiên vị trí đất được giao không đúng như trong Quyết định, ông A đã được giao tại vị trí hiện ông A đang sử dụng, theo bản đồ đo đạc năm 2006 là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 544,9m^2 (trong đó đất ONT: 150 m^2 và đất LNK: 394,9m^2) thuộc thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Gia đình ông A đã thực hiện nộp thuế nhà đất (thuế phi nông nghiệp) hàng năm trên diện tích đất là 150 m^2 (nộp thuế nhà đất liên tục từ vụ xuân năm 1993 đến nay). Hộ ông Hà Văn A là chủ sử dụng đất đã ký xác nhận vào biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất số 36, tờ bản đồ 04, diện tích 544,9m^2 (trong đó đất ONT: 150 m^2 và đất LNK: 394,9 m^2), thuộc thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Thửa đất gia đình ông Hà Văn A đang sử dụng hiện nay là ổn định, liên tục và không tranh chấp.

Như vậy, việc ông Hà Văn A khiếu nại UBND xã ĐQ chưa thực hiện giao đất ở cho gia đình ông theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình là không có sơ sở. Do đó, Chủ tịch UBND huyện ĐH giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định 6351 ngày 28/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Hà Văn A (Hà Xuân A).

3. Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ý kiến ông Hà Minh A4: Bố đẻ ông là cụ Hà Văn A13 (đã mất năm 1996), mẹ đẻ là Vũ Thị A14 (đã mất năm 2012). Trước năm 1987 bố mẹ ông có thửa đất thổ cư ở khu vực trụ sở UBND xã ĐQ, đến năm 1987 UBND xã mở rộng trụ sở nên đã đổi đất cho bố mẹ ông sang thửa đất số 36 tờ bản đồ số 4 mà hiện nay vợ chồng ông Hà Văn A đang sử dụng. Sau khi được cấp đổi đất thì vợ chồng ông A cùng bố mẹ ông đã chuyển sang sinh sống tại thửa đất đó từ đó đến nay. Thủ tục cấp đổi đất cho bố mẹ ông như thế nào ông không được biết vì thời điểm đó ông đi công A19 không có ở nhà.

Cuối năm 1977, ông và vợ là bà Trần Thị A20 mua thửa đất số 238 tờ bản đồ số 4 tại thôn HP của ông Vũ Đức A15 do ông A15 đi xây dựng kinh tế mới. Trên thửa đất ông A15 có 04 gian nhà tường đắp đất, mái lợp rạ. Thủ tục mua bán nhà đất giữa ông với ông A15 chỉ là giao dịch miệng, sau đó giao tiền, giao nhà đất cho nhau. Ông A15 hiện nay đã chết, năm 2018 bà Nguyễn Thị A21 là vợ ông A15 đã có văn bản xác nhận việc bán nhà đất cho ông năm 1977. Năm 2014, ông Vũ Đức A22 là anh trai ông A15 cũng xác nhận việc ông A15 bán đất cho ông (hiện ông A22 đã chết). Vợ chồng ông về ở trên đất của ông A15 được 01 năm thì vợ ông chết. Đến năm 1980, ông lấy bà Nguyễn Thị A23 và chuyển đến sống ở tập thể Điện lực tại phường Lê HP, thành phố TB, vì vậy ông đã nhờ bố mẹ ông là cụ A13, cụ A14 vào ở và trông coi nhà đất mua của ông A15 giúp (ông không nhớ thời điểm bố mẹ ông đến ở coi nhà là từ khi nào). Bố mẹ ông ở đó cho đến khi chết. Em gái ông là bà Hà Thị A5, không lấy chồng cũng ở cùng bố mẹ ông tại nhà ông từ thời điểm bố mẹ ông vào ở cho đến nay. Năm 2013, ông làm thủ tục kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất ông mua của ông A15 nhưng đến nay vẫn chưa được xem xét giải quyết. Cùng thời điểm đó anh em trong nhà ông cũng ủy quyền cho ông A làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất ông A đang ở.

Về việc nộp thuế: Bà A5 là người nộp thuế đối với thửa đất số 238 tờ bản đồ số 4 vì bà A5 ở đó. Còn thửa đất gia đình ông A đang ở thì ông A là người chịu trách nhiệm nộp thuế. Khi xã đo đạc ông không biết ai là người kê khai chủ sử dụng đất, không biết kê khai mang tên ai. Năm 2013 khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì ông mới biết thửa số 238 mang tên mẹ ông là cụ Vũ Thị A14, ông đã có yêu cầu UBND xã phải giải thích vì sao đất của ông lại mang tên mẹ ông nhưng chưa được giải thích. Ông A4 xác định đất hiện nay ông A đang ở là đất của bố mẹ ông để lại.

3.2. Ý kiến ông Hà Văn A7 (em trai ông Hà Văn A): Ông khẳng định đất gia đình ông A đang ở hiện nay chính là đất của ông Hà Văn A, còn việc cấp theo Quyết định của UBND tỉnh hay do xã giao cho ông A thì ông không biết. Đất bố mẹ ông sinh sống trước khi mất là do bố ông mua của ông Vũ Đức A15

khi ông A15 đi kinh tế mới, trong đó có một phần tiền của ông Hà Văn A4. Đến nay, đất của bố mẹ ông chưa được UBND xã ĐQ giao đổi khi thu hồi đất để mở rộng trụ sở UBND xã.

Yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.3. Bà Hà Thị A5, Hà Thị A6 không tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

3.4. Bà Ngô Thị A8, chị Hà Thị A9, Hà Thị A10, Hà Thị A11: thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Văn A trình bày như ý kiến của ông Hà Văn A.

4. Quan điểm của người những người làm chứng

- *Ý kiến của ông Phạm Văn A16:* Ông là cán bộ ruộng đất UBND xã ĐQ từ tháng 7/1985 đến tháng 12/1988. Năm 1977, khi UBND xã mở rộng trụ sở ủy ban thì đã đổi đất cho cụ A13 vào đất cũ của ông Vũ Đức A15 (ông A15 đi kinh tế mới) vì vậy bản đồ 299 không thể hiện đất cụ A13 ở khu vực ủy ban. Sau khi cụ A13 chuyển vào đất của ông A15 thì ông A và vợ con vẫn ở lại đất của cụ A13 cũ. Tháng 6/1988, ông A được UBND tỉnh cấp đất ở xóm 3, thôn CH nhưng chi bộ thôn không đồng ý vì vị trí đất giao là đất dược mạ. Ông Bùi Quang Mai là Chủ tịch xã đã giao cho ông và ông A đi tìm đất khác để giao cho ông A. Chính ông A đã tìm và đề xuất giao đất cho ông A tại thửa ruộng mà ông A28 đang canh tác. Ông về báo cáo với UBND xã, UBND xã nhất trí giao cho ông và ông A17 là cán bộ tài chính xã làm thủ tục giao đất cho ông A. Quá trình trực tiếp giao đất, đo đất cho ông A không có ông Vũ Đức A53 đi cùng. Thời gian giao đất cho ông A là khoảng tháng 10/1988, khi giao đất có lập 2 biên bản giao đất, một bản ông A giữ, một bản UBND xã quản lý. Tuy nhiên, do sơ suất ông không thu lại quyết định cấp đất của UBND tỉnh cho ông A.

- *Ông Vũ Văn A24 (*Phó Chủ tịch UBND xã ĐQ từ tháng 6/1985-5/1987 và là cán bộ tài chính xã từ 1988 đến 12/1989): Theo ông A17, ông biết việc đất của cụ A13 trước đây ở khu vực UBND xã, khi UBND xã mở rộng diện tích trụ sở ủy ban vào trước năm 1980, đã đổi đất cho cụ A13 vào đất của ông Vũ Đức A15, còn ông A và gia đình vẫn ở lại trên đất của cụ A13 ở khu vực ủy ban. Năm 1988, ông A được UBND tỉnh Thái Bình cấp đất ở xóm 3 thôn CH, do chi bộ thôn không chấp nhận giao đất cho ông A vì đó là đất dược mạ. Vì vậy Đảng ủy đã họp dừng việc giao đất cho ông A để tìm vị trí đất khác cho ông A. Khi tìm được vị trí đất tại thửa ruộng của ông A28 đang canh tác, UBND xã đã giao cho ông và ông Phạm Văn A16 là cán bộ ruộng đất xã trực tiếp đi giao đất, đo đất cho ông A. Thời điểm giao đất cho ông A vào khoảng

tháng 9, 10 năm 1988. Khi giao đất cho ông A xung quanh chưa có ai ở. Văn bản về việc giao đất, ông A16 là cán bộ ruộng đất thực hiện, ông không lưu giữ. Sau đó UBND xã còn hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho ông A từ vị trí đất cũ của cụ A13 ra đất mới; hỗ trợ bằng công điểm tính ra thóc ông không nhớ mức hỗ trợ cụ thể.

- *Ý kiến ông Vũ Ngọc A25, Phó Chủ tịch UBND xã ĐQ từ 5/1984 đến tháng 12/1989.* Ông không tham gia trực tiếp việc UBND xã giao đất cho ông A theo Quyết định của UBND tỉnh, nhưng Chủ tịch xã có trao đổi lại về việc đã tìm được diện tích đất ở thôn HP để giao đất cho ông A khi cơ sở xóm 3, thôn CH không đồng ý giao đất theo Quyết định của UBND tỉnh. Từ cuối năm 1988 ông không thấy ông A có đơn đề nghị về việc giao đất cho ông A. Vào ngày 17/11/2014, ông A có vào nhà ông đề nghị ông xác nhận vào đơn để ông A làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ. Do là bạn học với ông A, nên ông nể nang ông A, hơn nữa ông cũng nghĩ sự việc đơn giản chỉ là ông A làm sổ đỏ nên ông đã xác nhận cho ông A. Nay ông khẳng định xác nhận của ông ngày 17/11/2014 vào đơn của ông A là không đúng sự thật vì đất của cụ A13 đổi cho UBND xã từ trước năm 1980 chứ không phải vào năm 1987 như ông ghi ở phần xác nhận. Diện tích đất ông A đang ở hiện nay chính là đất UBND xã đã giao cho ông A từ năm 1988 theo quyết định của UBND tỉnh Thái Bình.

- *Ý kiến ông Đặng Văn A26, nguyên cán bộ ruộng đất xã ĐQ thời kỳ năm 1970 đến 1988.* Trước năm 1977, cụ Hà Văn A13 có đất tại khu vực UBND xã do UBND xã mở rộng trụ sở nên đã đổi đất cho cụ A13 vào mảnh đất của ông Vũ Đức A15 do ông A15 đi xây dựng kinh tế mới. Ông là người trực tiếp làm thủ tục đổi đất cho cụ A13. Cụ A13 và gia đình đã nhận và sử dụng ổn định mảnh đất đó cho đến khi mất, không ai có ý kiến gì. Trong thời gian ông làm công A19 cán bộ ruộng đất, ông không nhận được đơn hay đề nghị gì của ông A4 về việc xin mua đất của ông A15 vì đất đó là đất UBND xã cấp đổi cho cụ A13. Pháp luật lúc đó không cho phép mua bán đất, đất chỉ do nhà nước cấp (giao) cho người sử dụng. Việc ông ký xác nhận vào đơn của ông A là do ông A mang đơn vào xin xác nhận để làm thủ tục cấp sổ đỏ đối với đất ông A đang ở nên ông đã ký.

- *Ý kiến bà Vũ Thị A27, là vợ của ông Trần Văn A28* (đã chết). Gia đình bà được hợp tác xã giao cấy 4 sào ruộng (tại thửa đất trường cấp I xã ĐQ làm sân bây giờ). Sau đó UBND xã lấy khoảng 10 thước ruộng của bà để giao cho ông Hà Văn A và hiện tại ông A đang làm nhà trên đó. Còn việc UBND xã ĐQ đổi đất như thế nào cho ông Hà Văn A13 bà không nắm được, chỉ biết thời kỳ trước khi UBND xã lấy đất ruộng của bà giao cho ông A thì ông A13 đã vào ở đất của ông A15 khi ông A15 đi kinh tế mới. Việc mua bán của ông A13 và ông A15 như thế nào bà không biết. Ông A mang đơn vào nhà bà, bà không

đọc đơn của ông A và cũng không biết nội dung đơn như thế nào chỉ thấy ông A bảo bà ký xác nhận là trước kia đất của ông A đang ở là hợp tác xã lấy đất ruộng của bà giao cho ông A nên bà ký. Sau này bà mới biết đơn đó ông A lại viết đất ông A đang ở là đất UBND xã cấp đổi cho ông A13. Bà bác bỏ nội dung đó và xin rút lại chữ ký xác nhận trong đơn của ông A.

- *Ý kiến ông Vũ Văn A29:* Thời điểm ông được giao đất tại thôn HP, xã ĐQ thì phía đông nam nhà ông là giáp đất của ông Hà Văn A. Năm 1987, ông cùng dân công trong thôn đào ao, lấy đất đôn sân trường thì nhà ông A chưa ở đấy. Nên ông A được giao đất là khoảng năm 1988, cụ thể tháng nào ông không nhớ.

- *Ý kiến ông Bùi Hồng A30, Chủ tịch UBND xã ĐQ từ tháng 7/2011 đến tháng 6/2016.* Thời kỳ UBND xã thực hiện việc giao đất cho ông A, ông không tham gia công A19 lãnh đạo tại UBND xã nên không nắm được. Trước năm 2013, ông không nhận được đơn hay đề nghị của ông A về việc đề nghị giao đất theo quyết định của UBND tỉnh. Năm 2013, ông A gửi đơn yêu cầu giao đất theo quyết định của UBND tỉnh. Ông hỏi ông A tại sao có quyết định của UBND tỉnh từ năm 1988 mà 20 năm sau ông mới yêu cầu thì ông A bảo do quên. Năm 2014, ông Hà Minh A4 có đến UBND xã gặp ông trình bày miệng về việc ông A4 mua lại đất của ông A15 từ năm 1977, ông cho rằng trình bày của ông A4 là không đúng sự thật vì pháp luật thời điểm đó quy định người đi xây dựng kinh tế mới chỉ được phép thanh lý tài sản trên đất còn đất phải giao lại cho chính quyền quản lý thực hiện các chính sách đất đai của nhà nước. Hơn nữa, khi cụ A13, cụ A14 vào cư trú tại thửa đất đó và kê khai chủ sử dụng với thửa đất đó thì ông A4 không có ý kiến gì.

- *Ý kiến ông Nguyễn Xuân A31:* Ông chỉ biết trước kia cụ Hà Văn A13 ở trên đất UBND xã. Khoảng năm 1977-1978, ông Vũ Đức A15 đi kinh tế mới, UBND xã đã đổi đất cho cụ Hà Văn A13 về đó, việc ông Hà Văn A4 mua bán đất với nhà ông A15 hay không ông không biết. Còn đất ông A đang ở chính là đất UBND xã đã đo và giao đất cho ông A. Lý do ông biết được mảnh đất ông A đang ở là đất UBND xã giao cho ông A vì ông đã tham gia rất nhiều vị trí công A19 tại UBND xã nên ông nắm được sự việc ấy. Khi ông A mang đơn vào nhà ông nhờ ông ký, ông không đọc nội dung đơn của ông A.

- *Ý kiến ông Nguyễn Xuân A32:* Từ năm 1972 đến năm 1980 ông đi bộ đội nên không biết việc đổi đất của UBND xã với cụ A13 như thế nào, chỉ biết cụ A13 cùng gia đình và ông A4 ở trên đất của ông Vũ Đức A15. Việc UBND xã ĐQ giao đất cho ông A theo quyết định của UBND tỉnh như thế nào ông không biết. Ông A có mang đơn vào nói nhờ ông xác nhận gia đình cụ Hà Văn A13 trước đây ở trên đất của UBND xã nên ông ký, ông không đọc đơn của ông A.

- *Ý kiến ông Nguyễn Xuân A33:* Do ông đến nhà ông A chơi, ông A có đưa cho ông một đơn bảo ông ký xác nhận giúp để làm thủ tục đất đai. Ông không đọc đơn của ông A nên không biết rõ nội dung đơn, chỉ nghĩ là xác nhận đất của ông A đang ở là đất của ông A nên ông đã ký. Ông khẳng định đất ông A đang ở là của ông A, vì khi ông A xây nhà, đôn lấp đất (do đã lâu nên ông không nhớ năm nào) ông A có thuê ông và một số thợ xây ở địa phương thi công, ông A là người trực tiếp hợp đồng và thanh toán tiền công cho ông.

- *Ý kiến ông Nguyễn Văn A34:* Ông chỉ biết trước đây cụ Hà Văn A13 ở thửa đất của UBND xã, sau đó cụ A13 chuyển vào ở đất của ông A đang ở hiện nay, sau vài năm cụ A13 chuyển vào ở đất của ông A15 bán cho ông A4 . Còn việc chuyển đổi đất hay giao đất của địa phương đối với ông A13 hay ông A như thế nào ông không biết.

- *Ý kiến ông Nguyễn Quang A35:* Trước năm 1987, cụ Hà Văn A13 có thửa đất ở khu vực đất UBND xã, do UBND xã mở rộng đất trụ sở nên đã đổi đất cho cụ A13 vào đất của ông A đang ở hiện nay. Mọi thủ tục đổi đất, giao đất, diện tích đất như thế nào ông không nắm được nhưng ông chỉ thấy cụ A13 ở đất của ông A từ năm 1987 đến khoảng năm 1989 thì chuyển vào mảnh đất của ông A4 (anh trai ông A) mua của ông A15 ở đến khi ông A13 qua đời.

- *Các ông (bà): Vũ Đức A36, Đặng Minh A37, Trần Văn A38, Vũ Thị A39 nguyên là Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã qua các thời kỳ từ 1988 đến 2016 đều trình bày:* Quá trình các ông bà công tác tại UBND xã ĐQ, ông Hà Văn A không có lần nào đề nghị trực tiếp hoặc có đơn đề nghị giao đất cho ông A theo Quyết định của UBND tỉnh Thái Bình.

- *Các ông (bà): Phạm Quốc A40, Nguyễn Xuân A41, Phạm Thị A42, Vũ Thị A43, Vũ Thị A44, Vũ Thị A45, Vũ Đức A46, Hà Thị A47, Nguyễn Ngọc A48, Nguyễn Xuân A49, Nguyễn Xuân A50, Hà Duy A51 là những người xác nhận vào đơn của ông Hà Văn A* (*nội dung xác nhận đất ông A đang ở hiện nay là đất của cụ Hà Văn A13*) *đều trình bày:* Khi xác nhận đơn của ông A, ông A nói xác nhận đất ông A đang ở hiện nay là của ông A để làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ, vì vậy họ không đọc đơn của ông A và đã ký xác nhận.

5. Văn bản số 1982 ngày 30/7/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Bình về việc cung cấp một số nội dung theo yêu cầu của Tòa án có nội dung: UBND xã ĐQ không thực hiện được việc giao đất cho ông Hà Văn A tại vị trí được UBND tỉnh Thái Bình ghi tại Quyết định 1195, tuy nhiên đã giao cho ông A tại vị trí hiện nay ông A đang sử dụng. Các hồ sơ, tài liệu lưu trữ của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình không có hóa đơn thu lệ phí cấp đất 500 đồng của ông A, nhưng có bút phê đã thu tiền lệ phí số 81 ngày 10/6/88, 500 đồng của kế

toán thu ghi trên hồ sơ. Năm 2015, UBND tỉnh Thái Bình nhận được đơn kiến nghị của ông A về việc đề nghị giao đất theo Quyết định 1195, UBND tỉnh đã chuyển đơn của ông A đến UBND huyện ĐH giải quyết theo thẩm quyền.

6. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 08-9-2020, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158, Điều 159, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 29; Điều 35 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 17; 18; 27; 29; 30; 36; 38; 39; 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 14 Điều 22; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn A (Hà Xuân A) về việc:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã ĐQ về việc không thực hiện giao đất cho ông A theo Quyết định 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình là trái pháp luật. Yêu cầu UBND xã ĐQ giao đất cho ông A theo Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu hủy Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Văn A (Hà Xuân A) (lần 2).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/9/2020, người khởi kiện là ông Hà Văn A (Hà Xuân A) có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 24/9/2020, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Minh A4 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm:

7.1. Người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hà Văn A và cho rằng những căn cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A chỉ là những xác nhận của một số người, nguyên là cán bộ xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình trong khi những xác nhận này không đúng. Về xác nhận của ông A16: Năm 1977 ông A16 chưa làm cán bộ xã ĐQ thì làm sao ông A16 lại biết việc UBND xã ĐQ đổi đất cho cụ A13 vào đất của cụ A15. Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc UBND xã ĐQ đổi đất cho cụ A13 vào đất của cụ A15 là không có vì năm 1977, khi gia đình cụ A13 chuyển và ở đất của cụ A15, thì gia đình cụ A13

phải phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất đó, để trả đất cho UBND xã mở rộng trụ sở Ủy ban thì làm gì còn chỗ nào để ông A và vợ con ở lại đến tháng 10/1988, tức là ông A và vợ con ở lại trên đất đó sau 11 năm như ông A16 nói. Ý kiến của ông Đặng Văn A26 cũng không chính xác.

Việc UBND xã ĐQ cho rằng đã giao đất cho ông A tại thửa đất số 36, nhưng lại không xuất trình được Biên bản giao đất cho ông A và cũng không giải trình được. Việc UBND xã ĐQ, UBND huyện ĐH, căn cứ vào bản đồ 299, xác định thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 4 mang tên cụ A13, cụ A14 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, thôn HP, xã ĐQ mang tên ông A là hoàn toàn không có căn cứ vì: Bản đồ 299 chỉ thể hiện số thửa và diện tích đất chứ không thể hiện tên người sử dụng đất. Tên người sử dụng đất được thể hiện tại sổ mục kê đất đai hoặc sổ địa chính đọc bản đồ 299 nhưng theo UBND xã ĐQ thì các tài liệu này hiện không còn lưu trữ, UBND xã ĐQ căn cứ vào đâu lại khẳng định, thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 4 mang tên cụ A13, cụ A14 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, thôn HP, xã ĐQ mang tên ông A.

- Về nguồn gốc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, thôn HP, xã ĐQ: Trước năm 1977, gia đình cụ Hà Văn A13 có một thửa đất rộng khoảng 600m^2, phía Tây giáp với trụ sở UBND xã ĐQ cũ. Trên đất cụ A13 đã xây dựng một ngôi nhà đất, lợp rạ, 5 gian quay hướng nam và một ngôi nhà đất 3 gian quay hướng tây vợ chồng ông A ở, cùng các trình phụ trợ khác. Đến năm 1985, xã ĐQ có kế hoạch mở rộng trụ sở UBND xã và có trao đổi với gia đình cụ A13 là sẽ lấy toàn bộ diện tích đất của gia đình cụ để mở rộng trụ sở và sẽ đổi đất cho gia đình cụ A13 đi nơi khác. Đến khoảng tháng 5/1987, UBND xã ĐQ mới tìm được đất là diện tích ruộng của ông A28 để đổi cho cụ A13, diện tích thửa đất đó cũng rộng khoảng 600m^2. Tháng 10/1987, cụ A13 xây nhà trên đất mới đến khoảng tháng 12/1987 thì xây xong và chuyển về nhà mới ở và phá dỡ nhà cũ đi để giao đất cho UBND xã ĐQ mở rộng trụ sở ủy ban.

Đến khoảng tháng 6/1988, ông Hà Văn A4 là con trai lớn của cụ A13 nhà ở tại thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 lấy vợ hai, chuyển lên ở tập thể tại điện lực thị xã TB nên nhờ bố mẹ là cụ A13, cụ A14 trông nom nhà cửa, ao vườn cho ông A4 . Sau khi cụ A13, cụ A14 chuyển đi, vợ chồng ông A ở lại quản lý và sử dụng thửa đất của cụ A13, cụ A14 từ đó cho đến nay. Theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 4, là thửa đất số 36, tại địa chỉ thôn HP, xã ĐQ.

Nguồn gốc thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299, là của ông Vũ Đức A15 và vợ là bà Nguyễn Thị A21. Năm 1977 gia đình ông A15 đi xây dựng kinh tế mới đã bán lại nhà và đất cho ông Hà Minh A4, khi mua bán không lập văn bản. Ông A15 đã chết, bà A21 là vợ ông A15 hiện đang cư trú tại xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, năm 2013 bà đã xác nhận là, năm 1977

gia đình bà đã chuyển nhượng nhà, đất cho ông Hà Minh A4, ông Vũ Đức A52là anh trai ông Vũ Đức A15 cũng xác nhận là người làm chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản giao đất cho hộ ông Vũ Văn A29 là thửa đất giáp ranh với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, có phần ký giáp ranh của ông A và khẳng định ông A là chủ sở hữu thửa đất số 36 là hoàn toàn không có căn cứ, vì thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4 là thửa đất của bố mẹ ông A, do bố mẹ ông A chuyển vào ở nhà của ông Hà Văn A4, ông A cùng vợ con ở lại thửa đất trên. Khi UBND xã ĐQ giao đất cho hộ ông Vũ Văn A29 liền kề với thửa đất của bố mẹ ông, nhưng khi đó cụ A13 và cụ A14 không ở đó mà vợ chồng ông A lại là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất đó, nên ông A đã ký xác nhận là hộ liền kề với thửa đất mà UBND xã ĐQ giao cho hộ ông Vũ Văn A29, mục đích là để xác định ranh giới giữa hai thửa đất chứ không phải xác định ông A là chủ sở hữu thửa đất số 36. Trong khi ông Phạm Văn A16, ông Vũ Văn A24, ông Đặng Văn A26 cho rằng UBND xã mở rộng trụ sở năm 1977, còn ông A khẳng định UBND xã ĐQ mở rộng trụ sở ủy ban năm 1987.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phân tích trên đây, có đủ cơ sở khẳng định thửa đất số 36 tờ bản đồ số 4 bản đồ đo đạc năm 2006 thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình là thửa đất mà năm 1987 khi UBND xã ĐQ mở rộng trụ sở đã đổi đất cho cụ Hà Văn A13 sang ở thửa đất này. Thửa đất này không phải là đất mà UBND xã ĐQ giao đất cho ông Hà Văn A theo Quyết định 1195 và UBND xã ĐQ chưa thực hiện việc giao đất cho ông Hà Văn A, theo Quyết định 1195.

7.2. Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần 2) tại Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Văn A (Hà Xuân A), đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt người bị kiện trong các phiên xét xử.

7.3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của ông Hà Văn A trong thời hạn quy định kháng cáo và hình thức đơn kháng cáo tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh A4 vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/9/2020 nhưng ngày 22/9/2020, ông A4 nhận được Bản án sơ thẩm và ngày 24/9/2021, ông A4 có đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định; hình thức đơn kháng cáo tuân thủ quy định. Những người kháng cáo đều là người cao tuổi (ông A sinh năm 1952; ông A4 sinh năm 1948) thuộc trường

hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 của Quốc hội và Tòa án cấp sơ tham đã ban hành Thông báo về việc kháng cáo. Đủ điều kiện để xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

+ Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Luật Tố tụng đối với phiên tòa phúc thẩm;

+ Những người tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được hỏi, đối đáp, tranh luận và phát biểu quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự xuất trình, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án xác minh thu thập có trong hồ sơ, xác định: Ông Hà Văn A có đơn khiếu nại về việc UBND xã ĐQ chưa thực hiện việc giao đất ở cho gia đình ông theo Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình. UBND xã ĐQ đã ban hành Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 trả lời khiếu nại, nội dung: Ông A đã được giao đất theo Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình và có Thông báo số 16/TB-UBND ngày 11/9/2018 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông A vì thời hiệu khiếu nại đã hết. Không đồng ý với trả lời của xã, ông A tiếp tục khiếu nại lên UBND huyện ĐH. Đơn khiếu nại của ông A đã được thụ lý, xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện ĐH đã tổ chức đối thoại với ông A là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 17; Điều 27; Điều 29; Điều 30; Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011 và Chủ tịch UBND huyện ĐH đã ban hành Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính. Do đó, các quyết định hành chính bị kiện là hợp pháp.

- Về nội dung:

+ Xét nguồn gốc thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04 diện tích 544,9m^2 tại thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình và việc sử dụng thửa đất của hộ gia đình ông Hà Văn A.

Tại Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình có nội dung giao cho ông Hà Văn A 150m^2 đất hai lúa tại vị trí thuộc trích thửa 19 tại thôn CH, xã ĐP, huyện ĐH để làm nhà ở và Quyết định của UBND tỉnh Thái Bình có hiệu lực thi hành nên UBND huyện ĐH đã thực hiện việc giao đất cho ông A theo Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình là đúng. Tuy nhiên, do vị trí trích thửa số 19 là đất dược mạ nên Chi bộ và nhân dân thôn CH không nhất trí. Do đó, UBND xã ĐQ đã

tìm vị trí đất khác để giao cho ông A. UBND xã ĐQ trình bày đã giao đất cho ông A tại vị trí thủa đất ruộng của gia đình ông Trần Văn A28 (nay là thửa số 36 tờ bản đồ số 04 - bản đồ năm 2006, diện tích 544,9m^2 (trong đó ONT 150m^2 và LNK 394,9m^2) tại thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH mà ông A đang quản lý, sử dụng là có cơ sở, căn cứ theo xác nhận của ông Phạm Văn A16 và ông Nguyễn Văn A24 (nguyên cán bộ UBND xã ĐQ) là những người trực tiếp giao đất cho ông A; xác nhận của bà Vũ Thị A27 (vợ ông Trần Văn A28) là người trực tiếp sử dụng thửa đất trước khi UBND xã ĐQ lấy lại để giao cho ông A. Ngoài ra còn có xác nhận của ông Vũ Văn A29 là người có thửa đất liền kề với đất của ông A và xác nhận của những người làm chứng khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ. Ông Hà Văn A7 (em trai ông A) cũng xác nhận thửa đất ông A hiện nay đang quản lý sử dụng là của ông A được cấp, không phải là của bố mẹ các ông là cụ Hà Văn A13, cụ Vũ Thị A14 để lại. Từ năm 1988, hộ gia đình ông A sử dụng ổn định thừa đất trên và đã thực hiện việc đăng ký sử dụng đất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Đối với tài liệu do ông Hà Văn A xuất trình là đơn đề nghị của ông A có xác nhận của các ông Vũ Văn A24, Vũ Đức A53, Đặng Văn A26, Vũ Ngọc A25 và một số người khác có nội dung cho rằng thửa đất ông A đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của bố mẹ ông A để lại nhưng quá trình làm việc với Tòa án nhưng người nêu trên đều thừa nhận là do nể nang, không đọc nội dung đơn vì nghĩ đơn giản để ông A làm thủ tục cấp GCNQSD đất nên ký xác nhận không đúng sự thật và xin rút ý kiến xác nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định việc UBND xã ĐQ đã giao đất ở cho ông A theo Quyết định số 1195 QĐ/UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình tại vị trí thửa số 36 tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 2006) tại thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH.

- Đối với việc ông Hà Văn A và ông Hà Minh A4 cho rằng thửa đất số 238 tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 2006) tại xã HP, xã ĐQ, huyện ĐH không phải là đất UBND xã ĐQ đã đổi cho bố mẹ ông mà là đất của ông Hà Minh A4 mua của ông Vũ Đức A15 khi gia đình ông A15 đi vùng kinh tế mới: Xét thấy: Tại hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 229/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ hiện UBND xã ĐQ chi lưu giữ được bản đồ, không lưu giữ được sổ mục kê và theo bản đồ thể hiện thì tại khu vực trụ sở UBND xã ĐQ chỉ có thửa số 8 diện tích 3.520m^2 (loại đất T) mà UBND xã ĐQ sử dụng xây trụ sở, không còn thửa đất nào khác ký hiệu T tại khu vực đó. Như vậy, tại thời điểm đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg (1985-1986) thì cụ A13 không còn đất ở tại khu vực trụ sở UBND xã ĐQ, nên việc ông A, ông A4 cho rằng cụ A13, cụ A14 ở đó đến năm 1987 thì UBND xã đổi đất cho các cụ là không có cơ sở. Bên cạnh đó, ông Đặng Văn A26 (nguyên cán bộ ruộng đất) thời kỳ năm 1977 xác nhận đã trực

tiếp giao đất của cụ A13 vào đất của ông A15 năm 1977. Khi đo đạc địa chính năm 2006 thì cụ A13 đã chết nên thửa đất mang tên cụ Vũ Thị A14 (vợ cụ A13) và được thể hiện trên bản đồ là thửa số 3238 tờ bản đồ số 04 diện tích 355,lm^2 (loại đất ở nông thôn). Việc sử dụng đất của hộ cụ A13, cụ A14 ổn định, công khai, liên tục, không có tranh chấp với ai và ông A4 cũng không có ý kiến gì trong toàn bộ quá trình từ đó cho đến năm 2014. Đồng thời, theo quy định của pháp luật về đất đai trước nãm 1993, nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng đất đai. Vì vậy, việc ông A4 cho rằng ông đã làm đơn ra UBND xã đề nghị chấp nhận cho ông mua đất của ông A15 và được UBND xã chấp nhận nên ông đã giao dịch mua bán thửa đất đó với ông A15 năm 1977 là không có cơ sở chấp nhận. Bà Nguyễn Thị A21 (vợ ông A15) và ông Vũ Đức A22 (em ông A15) xác nhận việc ông A15 bán đất đi vùng kinh tế mới cho ông Hà Minh A4 vào năm 1977 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 238 tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo đạc năm 2006) tại thôn HP, xã ĐQ là do UBND xã ĐQ khi mở rộng trụ sở đã đổi đất cho cụ A13 vào đất của ông A15. Việc ông A4 nếu có giao dịch mua bán với ông A15 chỉ là mua bán tài sản ông A15 để lại trên đất, không phải là mua bán đất.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, có căn cứ xác định UBND xã ĐQ đã thực hiện việc giao đất của ông Hà Văn A theo Quyết định số 1195/QĐ-UB ngày 10/6/1988 của UBND tỉnh Thái Bình. Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ và Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện ĐH là hợp pháp. Do Đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu câu khởi kiện của ông Hà Văn A là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo cùa người khởi kiện là ông Hà Văn A; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Minh A4. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Ông Hà Văn A khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân tỉnh Thái Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/10/2019, Chủ tịch UBND huyện ĐH ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, đến ngày 28/11/2019, ông A khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Việc khởi kiện của ông A trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính, được Tòa án xem xét, thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật.

[3]. Về việc tham gia tố tụng và việc vắng mặt của đương sự:

[3.1]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Bà Hà Thị A5, bà Hà Thị A6 đã được Tòa án thông báo đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án và nhiều lần triệu tập bà A5, bà A6 đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại nhưng bà A5, bà A6 đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 128, khoản 3 Điều 137 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Ngô Thị A8, chị Hà Thị A9, chị Hà Thị A10, chị Hà Thị A11 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị A5, bà Hà Thị A6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4]. Xét tính hợp pháp, có căn cứ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ông Hà Văn A khiếu nại việc UBND xã ĐQ chưa thực hiện giao đất ở cho gia đình ông A theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình, UBND xã ĐQ đã ban hành Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 về việc trả lời đơn của ông Hà Văn A với nội dung ông Hà Văn A đã được giao đất theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình; Thông báo số 16/TB-UBND ngày 11/9/2018 của UBND xã ĐQ về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông A vì thời hiệu khiếu nại đã hết. Không đồng ý với trả lời của UBND xã, ông A khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện ĐH. Chủ tịch UBND huyện ĐH đã tiến hành thụ lý, tiến hành các thủ tục như xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với ông A là đúng quy định Điều 204 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 17; 27; 29; 30; 31 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện ĐH đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019. Vì vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện là hợp pháp.

[5]. Xét tính hợp pháp, có căn cứ về hình thức, nội dung của các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[5.1]. Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ ban hành dưới dạng văn bản, có thể thức đúng quy định, chứa đựng nội dung quyết định hành chính cá biệt. Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) có hình thức theo đúng quy định tại mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Vì vậy về hình thức các văn bản đó là hợp pháp.

[5.2]. Xét nguồn gốc thửa đất 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 544,9m^2 thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình và việc sử dụng thửa đất của hộ gia đình ông A:

Quyết định 1195/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình có nội dung giao cho ông A 150m^2 đất hai lúa tại vị trí thuộc trích thửa 19 thôn CH, xã ĐQ, huyện ĐH để làm nhà ở. Quyết định của UBND tỉnh Thái Bình có hiệu lực thi hành, ông A đã nộp lệ phí giao đất theo quy định và UBND xã ĐQ thực hiện giao đất cho ông A. Tuy nhiên do vị trí trích thửa 19 là đất dược mạ nên Chi bộ và nhân dân thôn CH không nhất trí, UBND xã ĐQ đã tìm vị trí đất khác giao cho ông A. Việc UBND xã ĐQ trình bày đã giao đất cho ông A tại vị trí thửa đất đất ruộng của gia đình ông Trần Văn A28, nay là thửa đất số 36, tờ bản đồ 04, bản đồ 2006, diện tích 544,9 m^2 (ONT: 150 m^2 và LNK: 394,9 m^2) tại thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH mà ông A quản lý, sử dụng là có căn cứ, thể hiện bởi các chứng cứ: Xác nhận của ông Phạm Văn A16 và ông Nguyễn Văn A24 nguyên là cán bộ UBND xã ĐQ đã trực tiếp giao đất cho ông A; xác nhận của bà Vũ Thị A27 (vợ ông A28) là người trực tiếp sử dụng thửa đất trước khi UBND xã lấy ra để giao cho ông A, ông Vũ Văn A29 là người sử dụng thửa đất liền kề thửa đất ông A, xác nhận của những người làm chứng khác đã được Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án. Ông Hà Văn A7, em trai ông A cũng xác nhận thửa đất gia đình ông A đang sử dụng hiện nay là của ông A, không phải của bố mẹ các ông là cụ Hà Văn A13, cụ Vũ Thị A13 để lại. Từ năm 1988, hộ gia đình ông A sử dụng ổn định thửa đất đó và đã thực hiện đăng ký sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước đầy đủ.

- Đối với lời trình bày và tài liệu chứng cứ ông A cung cấp: Việc ông A cho rằng ông chưa được UBND xã ĐQ giao đất vì ông vẫn đang quản lý Quyết định 1195, UBND xã không xuất trình được biên bản giao đất cho ông. Hội đồng xét xử thấy: Việc UBND xã không thu hồi Quyết định 1195 khi thực hiện giao đất của ông A là sơ suất của UBND xã và việc UBND xã không cung cấp được Biên bản giao đất cho ông A là thiếu sót trong khâu lưu trữ, quản lý tài liệu liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ địa chính. Do sự việc diễn ra đã lâu, đã bàn giao qua nhiều thế hệ cán bộ, vì vậy việc thất lạc hồ sơ, tài liệu có thể xảy ra (sổ mục kê bản đồ 299 của xã ĐQ cũng không còn lưu trữ được). Tuy nhiên, cùng năm 1988, UBND xã ĐQ còn thực hiện giao đất

theo Quyết định của UBND tỉnh Thái Bình cho bà Hoàng Thị A18, bà A18 cũng xác nhận đã được giao đất tại vị trí khác với vị trí ghi trong quyết định của UBND tỉnh, bà cũng không nộp lại quyết định cấp đất cho UBND xã, UBND xã cũng không còn lưu trữ được Biên bản giao đất cho bà A18, như vậy, trường hợp của ông A không phải ngoại lệ.

- Đối với Đơn đề nghị của ông A đề ngày 10/12/2013, có xác nhận của ông Vũ Văn A24, ông Vũ Đức A53; Đơn đề nghị (không đề ngày) của Diệu có xác nhận của ông Đặng Văn A26, ông Vũ Ngọc A25 - nguyên là cán bộ UBND xã, về việc thửa đất gia đình ông A đang sử dụng hiện nay là của bố mẹ ông A để lại. Khi làm việc với Tòa án, ông A24, ông A25, ông A26 đều trình bày việc xác nhận đơn của ông A do nể nang, do nghĩ đơn giản để ông A làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nên đã xác nhận không đúng sự thật. Ông Vũ Ngọc A53 đã bị tai biến mạch máu não nên Tòa án không lấy được lời khai.

- Đối với Đơn xin xác nhận của ông A (không đề ngày) có xác nhận của 17 người, thì 14 người khi làm việc với Tòa án đã trình bày khi xác nhận đơn của ông A họ không đọc đơn, hoặc do nể nang ông A đã xác nhận đơn, xin rút lại ý kiến đã xác nhận. Chỉ có ông Nguyễn Văn A34, Nguyễn Quang A35 vẫn giữ ý kiến về việc xác nhận cụ Hà Văn A13 có thửa đất ở khu vực đất UBND xã, do UBND xã mở rộng đất trụ sở nên đã đổi đất cho cụ A13 vào đất của ông A đang ở hiện nay, tuy nhiên mọi thủ tục đổi đất, giao đất như thế nào các ông không nắm được. Như vậy ông A34, ông A35 không phải là người thực hiện việc đổi đất cho cụ A13 và cũng không trình bày được lý do các ông biết sự việc, vì vậy lời trình bày đó của ông A34, ông A35 không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ đã viện dẫn nêu trên, có đủ cơ sở xác định việc UBND xã ĐQ trình bày đã giao đất ở cho ông A theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình tại vị trí thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04 bản đồ đo đạc năm 2006 thôn HP, xã ĐQ, huyện ĐH là có căn cứ.

[5.3] Xét việc ông Hà Văn A và ông Hà Minh A4 trình bày thửa đất số 238 tờ bản đồ số 4 bản đồ đo đạc năm 2006 tại thôn HP xã ĐQ không phải là đất mà UBND xã đổi cho cụ A13, cụ A14, mà là đất của ông A4 mua của ông Vũ Đức A15 khi gia đình ông A15 đi kinh tế mới:

Các tài liệu đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ hiện UBND xã ĐQ quản lý hiện chỉ còn bản đồ, không còn lưu giữ được sổ mục kê. Theo bản đồ đó thì tại khu vực trụ sở UBND xã ĐQ chỉ có thửa đất số 8 diện tích 3520m^2, loại đất T, là đất UBND xã ĐQ sử dụng xây trụ sở, không còn thửa đất nào khác ký hiệu T tại khu vực đó. Như vậy, thời điểm đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng chính phủ vào thời gian năm 1984-1986 thì đất cụ A13 đã không còn tại khu vực trụ sở UBND xã ĐQ, việc ông

A, ông A4 trình bày các cụ ở đó đến năm 1987 UBND xã đổi đất cho các cụ là không có cơ sở. Ông Đặng Văn A26, nguyên cán bộ ruộng đất xã thời kỳ năm 1977 cũng xác nhận đã trực tiếp làm thủ tục giao đất cho cụ A13 vào đất ông A15 năm 1977.

Đến khi đo đạc địa chính năm 2006 cụ A13 đã chết, nên thửa đất đăng ký sử dụng mang tên cũ Vũ Thị A14 (vợ ông A13) và được thể hiện trên bản đồ là thửa đất số 238, tờ bản đồ 04, diện tích 355,1 m^2, loại đất ở nông thôn. Việc sử dụng đất của hộ cụ A13, cụ Nhâm ổn định, công khai, liên tục, không có tranh chấp với ai, ông A4 cũng không có ý kiến gì trong toàn bộ quá trình đó cho đến năm 2014.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật đất đai của nước CH xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trước năm 1993, Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng đất đai mà chỉ có *quyền nhượng lại tài sản của mình. Nếu đất không sử dụng hoặc không sử dụng hết đất thì người sử dụng đất phải trả lại phần đất không sử dụng cho Nhà nước.*" Điều 5 Luật Đất đai năm 1987 quy định "*Nghiêm cấm việc mua bán, lấn chiếm đất đai*". Vì vậy việc ông A4 trình bày ông đã làm đơn ra UBND xã đề nghị chấp nhận cho ông được mua đất của ông A15 và UBND xã chấp nhận, nên ông đã giao dịch mua bán thửa đất đó với ông A15 vào năm 1977 là không có cơ sở chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Hồng (vợ ông A15) và ông Vũ Đức A22 (em trai ông A15) xác nhận về việc ông A15 đã bán đất khi đi kinh tế mới cho ông Hà Văn A4 vào năm 1977, tuy nhiên bà Hồng, ông A15 cũng không cung cấp được giấy tờ mua bán, chuyển nhượng gốc và sự việc đó cũng không phù hợp quy định pháp luật như đã phân tích nêu trên, vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 238 tờ bản đồ số 4 bản đồ đo đạc năm 2006 tại thôn HP xã ĐQ là do UBND xã ĐQ khi mở rộng trụ sở đã đổi đất cho cụ A13 vào đất cũ của ông A15. Việc gia đình ông A4, cụ A13 nếu có giao dịch mua bán với ông A15 chỉ là mua bán tài sản của ông A15 để lại trên thửa đất đó, không phải mua bán đất.

[6] Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở xác định UBND xã ĐQ đã thực hiện việc giao đất cho ông A theo Quyết định 1195 của UBND tỉnh Thái Bình; Công văn số 10/CV-UBND ngày 20/3/2018 của UBND xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình và Quyết định số 6351/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Bình là hợp pháp và có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và nhận định từng nội dung yêu cầu khởi kiện của ông A từ đó không chấp nhận khởi kiện của ông Hà Văn A là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn A và ông Hà Văn A4 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham dự phiên tòa có quan điểm đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn A và ông Hà Văn A4 là phù hợp với pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Ông A và ông A4 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính cho các ông Hà Văn A và Hà Minh A4.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn A (Hà Xuân A) và kháng cáo của ông Hà Minh A4, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các ông Hà Văn A (Hà Xuân A) và Hà Minh A4 được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Thái Duy Nhiệm	**Vũ Thị Thu Hà**	**Bùi Xuân Trọng**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm **Vũ Thị Thu Hà** **Bùi Xuân Trọng**